

Evaluation of physical strength of first-year and second-year female non-majors enrolled in Physical Education 1 and Physical Education 3 in the academic year of 2021-2022 at Quy Nhon University

Nguyen Xuan Quac*, Nguyen Ngoc Chau, Truong Quoc Duy, Thai Binh Thuan

Department of Physical Education, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 06/03/2023; Accepted: 27/03/2023; Published: 28/04/2023

ABSTRACT

This study measured and compared the physical strength of two groups of non-majored female students in physical education at Quy Nhon University. One group were first-year students enrolled in Physical Education 1, and the other were second-year students enrolled in Physical Education 3 in the academic year of 2021 - 2022. Specific research methods for studying sport sciences were used. The collected data were evaluated according to the criteria of students' physical strength given in Decision 53/2008/QD-BGDDT by the MOET. Results showed that a large percentage of the students in both groups were below the standards in terms of their physical strength. Our conclusion has implications for adjusting teaching and learning activities in physical education courses in order to improve female students' general physical strength.

Keywords: *Physical strength, evaluation, comparison, students, Quy Nhon University.*

**Corresponding author.*

Email: nguyenxuanquac@qnu.edu.vn

Đánh giá trình độ thể lực chung của nữ sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai Trường Đại học Quy Nhơn khi bắt đầu học phần Giáo dục thể chất 1 và Giáo dục thể chất 3 năm học 2021 - 2022

Nguyễn Xuân Quắc*, Nguyễn Ngọc Châu, Trương Quốc Duy, Thái Bình Thuận

Khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 06/03/2023; Ngày nhận đăng: 27/03/2023; Ngày xuất bản: 28/04/2023

TÓM TẮT

Qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDDT, tác giả đã đánh giá và so sánh trình độ thể lực chung ban đầu đối với nữ sinh viên không chuyên Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Quy Nhơn, giữa sinh viên năm thứ nhất học Giáo dục thể chất 1 với sinh viên năm thứ hai học Giáo dục thể chất 3 năm học 2021 - 2022. So sánh số liệu kiểm tra với tiêu chuẩn đánh giá thể lực học sinh, sinh viên theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết quả cho thấy, tỷ lệ sinh viên của hai nhóm nghiên cứu xếp loại ở mức chưa đạt rất lớn. Tác giả đã có những kết luận cụ thể, làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh hoạt động dạy – học các học phần Giáo dục thể chất, nhằm giúp tỷ lệ nữ sinh viên có trình độ thể lực chung xếp loại ở mức chưa đạt giảm thiểu tối đa.

Từ khóa: *Trình độ thể lực, đánh giá, so sánh, sinh viên, Trường Đại học Quy Nhơn.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất (GDTC) là môn học chính khóa bắt buộc thuộc chương trình giáo dục đào tạo đại học. GDTC giúp cho sinh viên (SV) phát triển cơ thể hài hòa, nâng cao các khả năng chức năng của cơ thể, tăng cường quá trình trao đổi chất, củng cố và rèn luyện hệ thần kinh vững chắc; phát triển một cách vững chắc các tổ chức thể lực và năng lực vận động cơ bản, nâng cao khả năng làm việc về trí óc và thể lực.¹ Việc khảo sát thực trạng trình độ thể lực chung của nữ SV Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN) là một trong những tiền đề quan trọng để đánh giá chất lượng của công tác GDTC Trường ĐHQN;

qua đó, xây dựng và điều chỉnh quá trình dạy – học, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực quy hoạch, quản lý và phát triển công tác GDTC Trường ĐHQN, vừa là cơ sở để so sánh, đánh giá các tổ chức thể lực chung giữa nữ SV Trường ĐHQN với tiêu chuẩn theo Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: ***Đánh giá trình độ thể lực chung của nữ sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai Trường Đại học Quy Nhơn khi bắt đầu học phần Giáo dục thể chất 1 và Giáo dục thể chất 3 năm học 2021 - 2022.***

**Tác giả liên hệ chính.*

Email: nguyensexuanquac@qnu.edu.vn

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu; phương pháp quan sát sự phạm; phương pháp kiểm tra sự phạm,² phương pháp toán thống kê.³

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu đánh giá

Để đánh giá thực trạng thể lực chung ban đầu đối với nữ SV Trường Đại học Quy Nhơn học GDTC 1 (SV GDTC 1) và nữ SV Trường Đại học Quy Nhơn khi bắt đầu học phần GDTC 3 (SV GDTC 3); chúng tôi dựa vào các test đánh giá thể lực theo tiêu chuẩn đánh giá thể lực học sinh, sinh viên của Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên; gồm 4 chỉ tiêu thể lực sau:⁴

- Bật xa tại chỗ (cm)
- Lực bóp tay thuận (kg)
- Chạy 30m XPC (giây)
- Chạy tùy sức 5 phút (m)

Cách đánh giá theo QĐ 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT như sau:

- Xếp loại Tốt: Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi có ba chỉ tiêu “Tốt” và một chỉ tiêu “Đạt” trở lên.

- Xếp loại Đạt: Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi từ mức “Đạt” trở lên.

- Xếp loại Chưa đạt: Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi có một chỉ tiêu dưới mức “Đạt”.

Để thống kê việc đánh giá, xếp loại trình độ thể lực cho SV, chúng tôi lập công thức các hàm số với các ký hiệu “Tốt”, “Đạt”, “Chưa đạt” ở 4 nội dung kiểm tra.

- Đối với việc đánh giá, xếp loại thể lực ở từng nội dung kiểm tra: Chúng tôi thống kê

số lượng SV đạt ở các mức xếp loại và quy đổi thành tỷ lệ phần trăm so với tổng số SV của nhóm nghiên cứu.

- Đối với việc đánh giá, xếp loại thể lực chung, xếp loại “Chưa đạt”: Ở từng nội dung trong 4 nội dung kiểm tra, nếu SV nào có mức xếp loại “Chưa đạt” thì xếp loại thể lực chung ở mức “Chưa đạt”. Chúng tôi thống kê những SV có ký hiệu “Chưa đạt” bao gồm tất cả 4 nội dung kiểm tra. Số lượng SV xếp loại “Chưa đạt” được quy đổi thành tỷ lệ phần trăm so với tổng số SV của nhóm nghiên cứu.

3.2. Thực trạng thể lực chung đối với nữ SV Trường Đại học Quy Nhơn khi bắt đầu học phần GDTC 1 và GDTC 3

Theo thường lệ, SV GDTC 1 và SV GDTC 3 bắt đầu học từ đầu tháng 09 hàng năm. Tuy nhiên, vì ảnh hưởng dịch Covid-19, Nhà trường bắt đầu tập trung SV học môn GDTC năm học 2021 - 2022 từ trung tuần tháng 02 năm 2022. Để đánh giá thực trạng thể lực chung đối với nữ SV Trường Đại học Quy Nhơn khi bắt đầu học phần GDTC 1 và GDTC 3; sau khi ổn định tổ chức lớp của năm học 2021 - 2022, chúng tôi tiến hành kiểm tra thể lực chung đối với nữ SV Trường Đại học Quy Nhơn khi bắt đầu học phần GDTC 1 và GDTC 3.

Khách thể được khảo sát, kiểm tra, đánh giá là ngẫu nhiên gồm: 428 SV GDTC 1 (độ tuổi 19) và 417 SV GDTC3 (độ tuổi 20). Các nữ SV không chuyên Ngành GDTC, hiện đang học các ngành khác nhau tại Trường ĐHQN.

3.2.1. Thực trạng thể lực chung của nữ SV Trường Đại học Quy Nhơn khi bắt đầu học phần GDTC 1 so với tiêu chuẩn đánh giá thể lực của Bộ GD&ĐT

Kết quả kiểm tra SV GDTC 1 khi bắt đầu học, thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả kiểm tra thể lực ban đầu SV học GDTC 1 (n = 428).

Nội dung	$(\bar{x})$	(σ)	$(C_v\%)$	(ε)	Tiêu chuẩn của Bộ (Tỷ lệ % SV xếp loại)		
					Tốt	Đạt	Chưa đạt
Bật xa tại chỗ (cm)	149,56	13,99	9,35	0,02	> 169 (cm) (11,10 %)	≥ 153 (cm) (44,46 %)	< 153 (cm) (44,44 %)
Lực bóp tay thuận (kg)	28,66	3,86	13,48	0,02	> 31,6 (kg) (22,22 %)	≥ 26,7 (kg) (48,15%)	< 26,7 (kg) (29,63 %)
Chạy 30m XPC (s)	6,06	0,44	7,32	0,01	< 5,70 (s) (21,48 %)	≤ 6,70 (s) (71,11 %)	> 6,70 (s) (7,41 %)
Chạy tùy sức 5 phút (m)	813,5	81,10	9,97	0,02	> 940 (m) (0 %)	≥ 870 (m) (8,89 %)	< 870 (m) (91,11 %)

Các số liệu ở bảng 1 cho thấy:

- Các nội dung kiểm tra có chỉ số Sai số tương đối của giá trị trung bình của mỗi test đều nhỏ hơn 0,05 ($\varepsilon \leq 0,05$). Điều này cho thấy: Các giá trị trung bình khảo sát có thể đại diện cho số trung bình của tổng thể.
- Hệ số biến sai của các test: Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 30 m XPC (s), Chạy tùy sức 5 phút (m) đều nhỏ hơn 10% ($C_v\% < 10\%$), nên các số liệu phân bố tập trung quanh số trung bình hay đám đông số liệu tương đối đồng đều. Như vậy, thành tích kiểm tra các SV GDTC 1 ở nội dung Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 30 m XPC (s), Chạy tùy sức 5 phút (m) tương đối đồng đều nhau. Tuy nhiên, ở nội dung Lực bóp tay thuận (kg) trình độ thể lực của các SV GDTC 1 không đồng đều nhau, có những SV đạt thành tích rất tốt; ngược lại, không ít sinh viên có kết quả không đạt yêu cầu. Điều này thể hiện ở Hệ số biến sai lớn hơn 10% ($C_v\% > 10\%$).
- Giá trị trung bình của toàn bộ các nội dung kiểm tra đối với SV GDTC 1 khi bắt đầu học, so với Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đều không được xếp loại tốt và chưa đạt; ngoại trừ nội dung kiểm tra Lực bóp tay thuận (kg) và Chạy 30 m XPC (s). Điều này được minh chứng qua thành tích đạt được ở các nội dung kiểm tra như sau:
 - + Bật xa tại chỗ (cm): $\bar{x} = 149,56 \mp 13,99$ thấp hơn tiêu chuẩn xếp loại tốt của Bộ ($\bar{x} = 149,56 \text{ cm} < 169 \text{ cm}$) và thấp hơn tiêu chuẩn xếp loại đạt ($\bar{x} = 149,56 \text{ cm} < 153 \text{ cm}$). Trị số giá trị trung bình ở nội dung kiểm tra Bật xa tại chỗ của SV GDTC 1 khi bắt đầu học, đều không đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Theo tính toán, SV GDTC 1 xếp loại đạt trở lên ở nội dung này chiếm tỷ lệ 55,56%; trong đó, loại tốt chiếm tỷ lệ 11,10%; tỷ lệ nữ SV không đạt chiếm 44,44%.
 - + Lực bóp tay thuận (kg): 31,6 (loại tốt của Bộ) $> \bar{x} = 28,66 \mp 3,86 > 26,7$ (loại đạt của Bộ). Ở nội dung này phần lớn SV GDTC1 khi bắt đầu học, đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và tỷ lệ nữ SV đạt loại tốt cũng không cao. Theo tính toán, SV GDTC 1 xếp loại đạt trở lên ở nội dung này chiếm tỷ lệ 70,37%; trong đó, loại tốt chiếm tỷ lệ 22,22%; tỷ lệ nữ SV không đạt chiếm 29,63%.
 - + Chạy 30 m XPC (s): Thành tích ban đầu ở nội dung Chạy 30m XPC của SV GDTC 1 tương đối tốt so với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Giá trị trung bình thể hiện như sau: 5,70 (loại tốt của Bộ) $< \bar{x} = 6,06 \mp 0,44 < 6,70$ (loại đạt của Bộ). Ở nội dung này, giá trị trung bình càng nhỏ thì thành tích càng tốt. Quan sát các chỉ số Phương sai và Hệ số biến sai $C_v\% = 7,32\% < 10\%$, ta thấy, phần đông SV GDTC 1 đều xếp loại đạt và tỷ lệ SV đạt loại tốt cũng tương đối cao. Theo tính toán, SV GDTC1 xếp loại đạt trở lên ở nội dung này chiếm tỷ lệ 92,59%; trong đó,

loại tốt chiếm tỷ lệ 21,48%; tỷ lệ nữ SV không đạt chiếm 7,41%.

+ Chạy tùy sức 5 phút (m): Giá trị trung bình của nội dung này so với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT thể hiện rất đáng lo ngại. 940 (loại tốt của Bộ) $> \bar{x} = 813,5 \mp 81,10 < 870$ (loại đạt của Bộ). Thành tích của số đông SV GDTC1 tập trung xung quanh giá trị trung bình ($C_v\% = 9,97\% < 10\%$); tức là, phần đông nữ SV xếp loại không đạt theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Số SV đạt yêu cầu chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn. Theo tính toán, SV GDTC 1 xếp loại đạt trở lên ở nội dung này chiếm tỷ lệ 8,89%; không có SV xếp loại tốt; tỷ lệ nữ SV không đạt rất cao, chiếm 91,11%.

Qua phân tích trên, chúng tôi nhận thấy: Theo tiêu chuẩn đánh giá của Bộ GD&ĐT, phần lớn SV GDTC 1 khi bắt đầu học, có nền tảng sức nhanh và sức mạnh của chi trên và chi dưới xếp

loại tốt chưa cao, nhưng xếp loại đạt chiếm tỷ lệ cao. Đặc biệt, sức bền là yếu nhất, tỷ lệ không đạt yêu cầu rất lớn (91,11%).

Nội dung kiểm tra sức bền chung, Chạy tùy sức 5 phút (m) là bắt buộc; tuy nhiên, ở nội dung này SV GDTC 1 xếp loại chưa đạt chiếm tỷ lệ rất cao. QĐ 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định cách đánh giá như sau: Xếp loại chưa đạt khi kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi có một chỉ tiêu dưới mức đạt. Theo thống kê, tỷ lệ SV GDTC 1 khi bắt đầu học, xếp loại thể lực chung ở mức chưa đạt là 93,33%.

3.2.2. Thực trạng thể lực chung của nữ SV Trường Đại học Quy Nhơn khi bắt đầu học phần GDTC 3 so với tiêu chuẩn đánh thể lực của Bộ GD&ĐT

Kết quả kiểm tra SV GDTC 3 khi bắt đầu học, thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả kiểm tra thể lực ban đầu SV học GDTC 3 (n = 417).

Nội dung	$(\bar{x})$	(σ)	$(C_v\%)$	(ε)	Tiêu chuẩn của Bộ		
					Tốt	Đạt	Chưa đạt
Bật xa tại chỗ (cm)	156,07	16,72	10,72	0,01	> 170 (24,55%)	≥ 155 (32,49%)	< 155 (42,96%)
Lực bóp tay thuận (kg)	28,12	4,02	14,29	0,02	$> 31,8$ (15,88%)	$\geq 26,9$ (42,24%)	$< 26,9$ (41,88%)
Chạy 30m XPC (s)	5,91	0,41	7,01	0,01	$< 5,60$ (25,27%)	$\leq 6,60$ (68,95%)	$> 6,60$ (5,78%)
Chạy tùy sức 5 phút (m)	822,8	39,38	4,79	0,01	> 950 (3,97%)	≥ 890 (1,81%)	< 890 (94,22%)

Bảng 2 cho thấy:

- Chỉ số Sai số tương đối của giá trị trung bình của mỗi test ở các nội dung kiểm tra, đều nhỏ hơn 0,05 ($\varepsilon \leq 0,05$). Điều này cho thấy: Các giá trị trung bình khảo sát có thể đại diện cho số trung bình của tổng thể.

- Hệ số biến sai của các test: Chạy 30 m XPC (s), Chạy tùy sức 5 phút (m) đều nhỏ hơn 10% ($C_v\% < 10\%$), điều này cho thấy, các số liệu phân bố tập trung quanh số trung bình hay đám đông số liệu tương đối đồng đều. Như vậy,

thành tích kiểm tra các SV GDTC 3 ở nội dung Chạy 30m XPC (s), Chạy tùy sức 5 phút (m) tương đối đồng đều nhau. Tuy nhiên, ở nội dung Bật xa tại chỗ (cm), Lực bóp tay thuận (kg) trình độ thể lực của các SV không đồng đều nhau, có những SV đạt thành tích rất tốt; ngược lại, không ít số lượng SV có kết quả không đạt yêu cầu. Điều này thể hiện ở Hệ số biến sai lớn hơn 10% ($C_v\% > 10\%$).

- Giá trị trung bình của nội dung kiểm tra Chạy tùy sức 5 phút đối với SV GDTC 3 khi bắt đầu học, so với Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT

không bằng mức đạt; các nội dung kiểm tra như: Bật xa tại chỗ (cm), Lực bóp tay thuận (kg) và Chạy 30 m XPC (s) hơn mức đạt. Điều này được minh chứng qua thành tích đạt được ở các nội dung kiểm tra như sau:

+ Bật xa tại chỗ (cm): Thành tích $\bar{x} = 156,07 \mp 16,72$ thấp hơn tiêu chuẩn xếp loại tốt của Bộ ($\bar{x} = 156,07 \text{ cm} < 170 \text{ cm}$) và tốt hơn tiêu chuẩn xếp loại đạt ($\bar{x} = 156,07 \text{ cm} < 155 \text{ cm}$). Trị số giá trị trung bình ở nội dung kiểm tra Bật xa tại chỗ (cm) của SV GDTC 3 khi bắt đầu học, đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Theo tính toán, SV GDTC 3 xếp loại tốt chiếm tỷ lệ 24,55%; loại đạt chiếm tỷ lệ 32,49%; chưa đạt chiếm tỷ lệ 42,96%.

+ Lực bóp tay thuận (kg): 31,8 (loại tốt của Bộ) $> \bar{x} = 28,12 \mp 4,02 > 26,9$ (loại đạt của Bộ). Ở nội dung này phần lớn SV GDTC 3 khi bắt đầu học, đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và tỷ lệ nữ SV đạt loại tốt cũng không cao. Theo tính toán, SV GDTC 3 xếp loại tốt chiếm tỷ lệ 15,88 %; loại đạt chiếm tỷ lệ 42,24%; chưa đạt chiếm tỷ lệ 41,88%.

+ Chạy 30m XPC (s): Thành tích ban đầu ở nội dung Chạy 30 m XPC của SV GDTC3 khi bắt đầu học, tương đối tốt so với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Giá trị trung bình thể hiện như sau: 5,60 (loại tốt của Bộ) $< \bar{x} = 5,91 \mp 0,41 < 6,60$ (loại đạt của Bộ). Ở nội dung này, giá trị trung bình càng nhỏ thì thành tích càng tốt. Quan sát các chỉ số Phương sai và Hệ số biến sai $C_v\% = 7,01\% < 10\%$, ta thấy, phần đông SV GDTC 3 khi bắt đầu học, đều xếp loại đạt trở lên và tỷ lệ SV đạt loại tốt cũng tương đối cao. Theo thống kê, nữ SV học GDTC 3 xếp loại tốt chiếm tỷ lệ 25,27%; loại đạt chiếm tỷ lệ 68,95%; chưa đạt chiếm tỷ lệ 5,78%.

+ Chạy tùy sức 5 phút (m): Giá trị trung bình của nội dung này so với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT rất thấp: 950 (loại tốt của Bộ) $> \bar{x} = 822,8 \mp 39,38 < 890$ (loại đạt của Bộ). Thành tích SV GDTC3 khi bắt đầu học, tập trung xung quanh giá trị trung bình ($C_v\% = 4,79\% < 10\%$); tức là, rất đông SV GDTC3 khi bắt đầu học,

xếp loại không đạt theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Số SV đạt yêu cầu chiếm tỷ lệ rất ít. Theo thống kê, SV GDTC 3 khi bắt đầu học, xếp loại tốt chiếm tỷ lệ 3,97%; loại đạt chiếm tỷ lệ 1,81%; chưa đạt chiếm tỷ lệ 94,22%.

Qua phân tích trên, theo tiêu chuẩn đánh giá của Bộ GD&ĐT, phần lớn SV GDTC 3 khi bắt đầu học, có nền tảng sức nhanh và sức mạnh của chi trên và chi dưới chưa tốt nhưng vẫn xếp loại đạt trở lên khá nhiều. Số lượng nữ SV có sức bền xếp loại ở mức chưa đạt chiếm tỷ lệ rất cao (94,22%).

Nội dung kiểm tra sức bền chung, Chạy tùy sức 5 phút (m) là bắt buộc; tuy nhiên, ở nội dung này SV GDTC 3 khi bắt đầu học, xếp loại chưa đạt chiếm tỷ lệ rất cao. QĐ 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định cách đánh giá như sau: Xếp loại chưa đạt nếu kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi có một chỉ tiêu dưới mức đạt. SV GDTC 3 khi bắt đầu học, xếp loại thể lực chung ở mức chưa đạt chiếm tỷ lệ rất cao; theo tính toán tỷ lệ này là 95,67% số nữ SV xếp loại chưa đạt.

Tóm lại: Qua thời gian dài cách ly vì dịch bệnh Covid-19, phần lớn các nữ SV năm nhất và năm hai Trường ĐHQN không có điều kiện thuận lợi để vận động, rèn luyện thân thể; hơn thế nữa, không ít nữ SV trước khi nhập học bị nhiễm Covid, ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe. Điều kiện khách quan trên là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng thể lực ban đầu của SV GDTC 1 và SV GDTC 3 có trình độ thể lực chung “chưa đạt yêu cầu” theo tiêu chuẩn xếp loại, đánh giá của Bộ GD&ĐT.

3.3. So sánh thể lực chung ban đầu giữa nữ SV học GDTC 1 với nữ SV học GDTC 3 tại Trường ĐHQN

3.3.1. So sánh giá trị trung bình ban đầu từng nội dung kiểm tra giữa nữ SV học GDTC 1 với nữ SV học GDTC 3 tại Trường ĐHQN

Căn cứ Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên, tiêu chuẩn đánh giá thể lực

ở lứa tuổi 20 luôn yêu cầu cao hơn lứa tuổi 19 ở mỗi nội dung kiểm tra. Điều này phù hợp với quy luật phát triển tâm - sinh lý lứa tuổi; hơn thế nữa, SV năm hai (20 tuổi) có bề dày rèn luyện thể lực, học GDTC nhiều hơn SV năm nhất (19 tuổi). Qua quá trình kiểm tra, nhóm nghiên cứu

quan sát thấy, trình độ thể lực chung ban đầu của SV GDTC 3 tốt hơn SV GDTC 1. Tuy nhiên, điều này cần được xác định qua các thuật toán để đảm bảo độ tin cậy. Chúng tôi tiến hành lập bảng so sánh thể lực ban đầu giữa SV GDTC3 với SV GDTC1 qua Bảng 3.

Bảng 3. So sánh thể lực ban đầu giữa SV học GDTC 1 và GDTC 3.

Nội dung	SV	($\bar{x}$)	(σ)	($C_v\%$)	(ε)	$t_{tính}$	P
Bật xa tại chỗ (cm)	GDTC1	149,56	13,99	9,35	0,02	0,62	> 0,05
	GDTC3	156,07	16,72	10,72	0,01		
Lực bóp tay thuận (kg)	GDTC1	28,66	3,86	13,48	0,02	0,28	> 0,05
	GDTC3	28,12	4,02	14,29	0,02		
Chạy 30m XPC (s)	GDTC1	6,06	0,44	7,32	0,01	0,36	> 0,05
	GDTC3	5,91	0,41	7,01	0,01		
Chạy tùy sức 5 phút (m)	GDTC1	813,5	81,10	9,97	0,02	0,17	> 0,05
	GDTC3	822,8	39,38	4,79	0,01		

Khi so sánh hai giá trị trung bình của hai nhóm cá thể độc lập, đề tài áp dụng công thức tính student (t) quan sát với mẫu lớn ($n \geq 30$). Kết quả thu được, so sánh với $t_{bảng\ 05} = 1,96$ với bậc tự do $n > 120$, vì số lượng SV GDTC1 được kiểm tra với $n = 428$ và số lượng SV GDTC3 với $n = 417$; tất cả các nhóm được kiểm tra đều có $n > 120$ (theo bảng student (t) để đối chiếu).

Kết quả tính chỉ số student ($t_{tính}$), khi so sánh hai giá trị trung bình của SV GDTC1 và SV GDTC3 ở nội dung: Bật xa tại chỗ (cm) có $t_{tính} = 0,62 < t_{bảng\ 05} = 1,96$; Lực bóp tay thuận (kg) có $t_{tính} = 0,28 < t_{bảng\ 05} = 1,96$; Chạy 30m XPC (s) có $t_{tính} = 0,36 < t_{bảng\ 05} = 1,96$ và Chạy tùy sức 5 phút (m) có $t_{tính} = 0,17 < t_{bảng\ 05} = 1,96$.

Như vậy, các nội dung kiểm tra, khi so sánh hai khách thể SV GDTC1 và SV GDTC3 đều có $t_{tính} < t_{bảng\ 05} = 1,96$ (ngưỡng xác suất $P > 0,05$). Điều này chứng tỏ, sự khác biệt hai giá

trị trung bình của hai nhóm khách thể trên không có ý nghĩa thống kê, ở ngưỡng xác suất $P \geq 5\%$. Nói cách khác, sự khác biệt này là ngẫu nhiên, giá trị trung bình của nhóm SV GDTC 1 và SV GDTC 3 khi bắt đầu học, không có sự khác biệt và chênh lệch nhau; Trình độ thể lực chung, cũng như ở mỗi nội dung kiểm tra từng tố chất thể lực giữa nhóm SV GDTC 1 và SV GDTC 3 không có sự khác biệt về thành tích rõ ràng và mang ý nghĩa thống kê.

3.3.2. So sánh thể lực ban đầu, tỷ lệ nữ SV học GDTC 1 với nữ SV học GDTC 3 tại Trường ĐHQN với các mức xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ

Để có cách nhìn khái quát hơn về tình hình thực trạng thể lực ban đầu của SV GDTC 1 và SV GDTC 3 với các mức xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ, chúng tôi tổng hợp các số liệu cụ thể tại Bảng 4.

Bảng 4. So sánh tỷ lệ nữ SV bắt đầu học GDTC 1 và nữ SV bắt đầu học GDTC 3 đạt các mức xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ.

Nội dung	Nhóm SV	Tỷ lệ (%) SV		
		Tốt	Đạt	Chưa đạt
Bật xa tại chỗ (cm)	GDTC 1	11,10	44,46	44,44
	GDTC 3	24,55	32,49	42,96
Lực bóp tay thuận (kg)	GDTC 1	22,22	48,15	29,63
	GDTC 3	15,88	42,24	41,88
Chạy 30m XPC (s)	GDTC 1	21,48	71,11	7,41
	GDTC 3	25,27	68,95	5,78
Chạy tùy sức 5 phút (m)	GDTC 1	0,00	8,89	91,11
	GDTC 3	3,97	1,81	94,22
Tỷ lệ nữ SV chưa đạt thể lực chung theo quy định của Bộ	GDTC 1	93,33		
	GDTC 3	95,67		

Bảng 4 cho thấy, số lượng nữ SV giữa hai nhóm khi bắt đầu học GDTC 1 và GDTC 3 xếp loại tốt, đạt, chưa đạt ở từng nội dung kiểm tra so với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT là không đồng đều nhau.

Kiểm tra ban đầu, xếp loại chưa đạt, nội dung Bật xa tại chỗ (cm), tỷ lệ SV GDTC 1 là 44,44% nhiều hơn SV GDTC 3 là 42,96%; Lực bóp tay thuận (kg), tỷ lệ SV GDTC 1 là 29,63% thấp hơn SV GDTC 3 là 41,88%; Chạy 30m XPC (s), tỷ lệ SV GDTC 1 là 7,41% nhiều hơn SV GDTC 3 là 5,78%; Chạy tùy sức 5 phút (m), tỷ lệ SV GDTC 1 là 91,11% thấp hơn SV GDTC 3 là 94,22%.

Theo Quy định tại Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT, Chạy tùy sức 5 phút (m) và Bật xa tại chỗ (cm) là hai nội dung kiểm tra bắt buộc. Như vậy, nếu một trong hai nội dung kiểm tra trên không đạt thì xếp loại thể lực chung sẽ không đạt.

Tuy nhiên, chiếm tỷ lệ nhiều nhất (trên 91%) SV GDTC 1 và SV GDTC 3 đều xếp loại

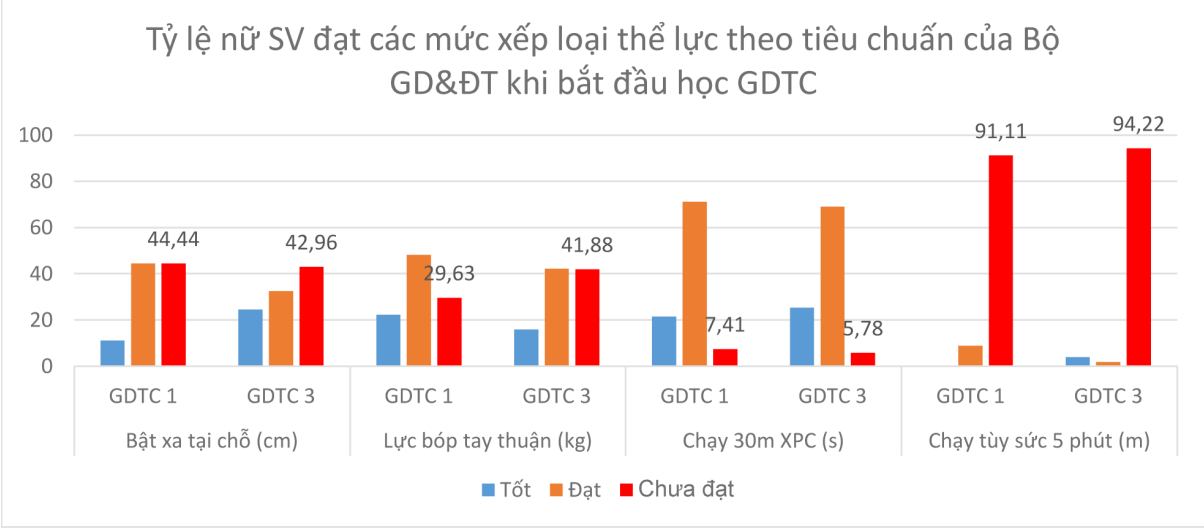
chưa đạt ở nội dung Chạy tùy sức 5 phút (m), tổ chất sức bền chung. Tỷ lệ nữ SV xếp loại chưa đạt ở nội dung Bật xa tại chỗ (cm) cũng tương đối cao (trên 42%).

Đặc biệt, xếp loại tốt chiếm tỷ lệ tương đối lớn ở nội dung Lực bóp tay thuận (kg) tỷ lệ SV GDTC 1 là 22,22% nhiều hơn SV GDTC 3 là 15,88%; Chạy 30m XPC (s) tỷ lệ SV GDTC 1 là 21,48% nhiều hơn SV GDTC 3 là 25,27%.

Kiểm tra ban đầu, nội dung Chạy 30 m XPC (s) tỷ lệ SV của hai nhóm, xếp loại từ đạt trở lên là cao nhất (trên 94,22%). Phần đông SV có tổ chất sức nhanh của phần chi dưới rất tốt.

Số liệu thống kê cho thấy, các chỉ số thể hiện ở các nội dung kiểm tra, tỷ lệ SV GDTC 1 khi bắt đầu học, có thể lực chung xếp loại chưa đạt là 93,33%; tỷ lệ SV GDTC 3 khi bắt đầu học, có thể lực chung xếp loại chưa đạt là 95,67%.

Tỷ lệ nữ SV khi bắt đầu học môn GDTC 1 và GDTC 3, đạt các mức xếp loại ở từng nội dung kiểm tra theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT được minh họa qua Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. So sánh tỷ lệ nữ SV bắt đầu học GDTC 1 và nữ SV bắt đầu học GDTC 3 đạt các mức xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ.

4. KẾT LUẬN

Tiêu chuẩn đánh giá thể lực của Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT quy định trình độ thể lực của SV GDTC 3 (20 tuổi) luôn cao hơn SV GDTC 1. Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy: Thực trạng thể lực chung ban đầu giữa SV GDTC 1 với SV GDTC 3 tại Trường ĐHQN chênh lệch không đáng kể. Do đó, tỷ lệ xếp loại thể lực chung “Chưa đạt” ở nhóm SV GDTC 3 (20 tuổi) là 95,67%, cao hơn tỷ lệ xếp loại thể lực chung “Chưa đạt” ở nhóm SV GDTC 1 (19 tuổi) là 93,33%.

Thực trạng thể lực chung ban đầu giữa nữ SV học GDTC 1 với GDTC 3 tại Trường ĐHQN chênh lệch không đáng kể. Điều bất thường này được giải thích: vì tình hình dịch bệnh Covid-19 có thời gian cách ly dài, nhiều nữ SV bị nhiễm Covid; do đó, hai nhóm nữ SV không có điều kiện tập luyện để rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe. Đây là một trong những lý do không kém phần quan trọng ảnh hưởng đến thực trạng thể lực chung ban đầu đối với SV GDTC 1 với SV GDTC 3 khi bắt đầu tham gia học môn GDTC tại Trường ĐHQN.

Như vậy, cả hai nhóm nữ SV khi bắt đầu học môn GDTC 1 và GDTC 3 đều có trên 93% SV không đạt yêu cầu theo chuẩn đánh giá thể lực của Bộ GD&ĐT.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ của đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Quy Nhơn với mã số T2022.773.29.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. T. K. Đức. *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
2. N. X. Sinh, L. V. Lắm, P. N. Viễn, L. Q. Hiệp. *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2010.
3. N. Đ. Văn. *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao, 2014.
4. Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.
5. V. Đ. Thu, N. X. Sinh, L. Q. Hiệp và T. A. Tuấn. *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995.